

DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH; PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN; BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ AN SINH XÃ HỘI; ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ, CHUYỂN ĐỔI XANH, KINH TẾ TƯ NHÂN; HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ MỌI NGUỒN LỰC, XÂY DỰNG GIA LAI TRỞ THÀNH TỈNH PHÁT TRIỂN KHÁ CỦA CẢ NƯỚC
(Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I)

Phần thứ nhất**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định khóa XX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI được triển khai thực hiện trong bối cảnh cục diện thế giới diễn biến phức tạp; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra nhanh, sâu sắc; kinh tế thế giới suy giảm và bất ổn. Ở trong nước, trong tỉnh, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, dưới tác động sâu sắc của tình hình thế giới, hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19, thiên tai... cùng với những hạn chế, khuyết điểm từ nhiều năm trước, kinh tế, xã hội của cả nước nói chung và của 2 tỉnh Gia Lai, Bình Định nói riêng đều đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn. Trong bối cảnh đó, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự hỗ trợ của các ban, bộ, ngành Trung ương, năm năm qua, Đảng bộ, dân và quân 2 tỉnh tích cực phát huy thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ 2 tỉnh và đạt được kết quả khá toàn diện.

I - KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:***** Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định khóa XX**

Tỉnh Bình Định đã thực hiện đạt và vượt 21/22 chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh đề ra, nổi bật là:

Các chỉ tiêu kinh tế: Tốc độ tăng Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) bình quân 5 năm ước đạt 7 - 7,2%¹. GRDP bình quân đầu người năm 2025 dự kiến đạt

¹ Năm 2021 tăng 3,97%, năm 2022 tăng 8,00%, năm 2023 tăng 6,80%, ước năm 2024 tăng 7,78%, dự kiến năm 2025 tăng 8,5 - 9,0%. Nghị quyết đến năm 2025 là 7 - 7,5%.

96,5 - 97,3 triệu đồng/người, (tương đương 3.935 - 4.016 USD/người)². Cơ cấu kinh tế: Ước cuối năm 2025, tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 23,5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 33,7%, dịch vụ chiếm 38,6%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,2%³. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 ước đạt hơn 18.000 tỷ đồng⁴. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 8.182 triệu USD⁵. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 42,8%/GRDP⁶.

Các chỉ tiêu xã hội: Tỷ lệ đô thị hóa đến cuối năm 2025 ước đạt từ 53% đến 55%⁷. Ước đến năm 2025, toàn tỉnh có 97/113 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 85,8%), vượt 05 xã so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra; 43/97 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, vượt 07 xã so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra; 08/97 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 07 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới, trong đó có 01 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao⁸. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ước thực hiện năm 2025 đạt 66,3%⁹.

Giải quyết việc làm mới bình quân hàng năm là 31.000 người¹⁰. Tỷ lệ hộ nghèo dự kiến đến cuối năm 2025 còn 0,62%¹¹. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đến cuối năm 2025 đạt 96,15%¹². Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động đến cuối năm 2025 là 25,52%¹³. Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc. 100% số xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến cuối năm 2025 đạt 73,27%¹⁴.

Các chỉ tiêu về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng: Đến cuối năm 2025 là 58%¹⁵. Duy trì 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; trong đó, đến cuối năm 2025 có 40% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch¹⁶. Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến cuối năm 2025

² Nghị quyết đến năm 2025 đạt trên 3.900 USD/người.

³ Nghị quyết đến năm 2025 tương ứng các khu vực 23,4% - 31,8% - 39,6% - 5,2%.

⁴ Nghị quyết đến năm 2025 đạt trên 16.000 tỷ đồng.

⁵ Năm 2021 đạt 1.418,07 triệu USD; năm 2022 đạt 1.646 triệu USD; năm 2023 đạt 1.586 triệu USD, năm 2024 đạt 1.752 triệu USD, ước năm 2025 đạt 1.780 triệu USD. Nghị quyết giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 6.000 triệu USD.

⁶ Nghị quyết giai đoạn 2021 - 2025 đạt 41%/GRDP.

⁷ Nghị quyết đến năm 2025 đạt từ 45,3% trở lên.

⁸ Nghị quyết đến năm 2025, có 92/113 xã đạt chuẩn nông thôn mới (vượt 05 xã), 36 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (vượt 07 xã), 7 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

⁹ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 66%.

¹⁰ Năm 2021 là 25.146 người; năm 2022 là 28.512 người; năm 2023 là 32.029 người; năm 2024 là 36.975 người; ước thực hiện năm 2025 là 32.500 người. Nghị quyết bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 30.000 người.

¹¹ Nghị quyết tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1,5 - 2%/năm, đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung của cả nước, cả nước ước đạt 0,9%.

¹² Nghị quyết đến năm 2025 đạt trên 95%.

¹³ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 20,5%.

¹⁴ Nghị quyết đến năm 2025 đạt trên 70%.

¹⁵ Nghị quyết đến năm 2025 đạt trên 58%.

¹⁶ Nghị quyết đến năm 2025 có 40% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

đạt 90 - 92%¹⁷. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đến năm 2025 đạt 90 - 92%¹⁸. Duy trì 100% tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường.

Chỉ tiêu về xây dựng Đảng: Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm sau cao hơn năm trước, chất lượng ngày càng cao hơn.

Có 01/22 chỉ tiêu không đạt: Kết nạp đảng viên mới bình quân hằng năm (trong 4 năm đầu nhiệm kỳ) đạt 3,96% trên tổng số đảng viên đầu nhiệm kỳ của Đảng bộ¹⁹.

*** Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI**

Tỉnh Gia Lai đã thực hiện đạt và vượt 14/23 chỉ tiêu chủ yếu do Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh đề ra:

Các chỉ tiêu kinh tế: (1) Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 7,94%²⁰; (2) Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân 5,92%²¹. **Các chỉ tiêu xã hội:** (1) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,54%²² (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020) và 2,01% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025); (2) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%²³; (3) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm 1,1%²⁴; (4) Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt trên 95%²⁵; (5) Số bác sĩ/vạn dân là 9²⁶; (6) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 71,84%²⁷; (7) Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp trung học cơ sở là 97%²⁸. **Các chỉ tiêu môi trường:** (1) Diện tích rừng trồng mới đạt 40.000 ha²⁹; (2) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 47,95%³⁰; (3) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 98%³¹. **Các chỉ tiêu về xây dựng Đảng:** (1) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ vượt 91,98%³²; (2) Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm so với đầu nhiệm kỳ đạt 3,53%³³.

Bên cạnh đó, có 09/23 chỉ tiêu chủ yếu thực hiện chưa đạt: Các chỉ tiêu kinh tế: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) ước tăng bình quân 6,36%/năm³⁴;

¹⁷ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 83%.

¹⁸ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 84%.

¹⁹ Nghị quyết hằng năm đạt trên 4%.

²⁰ Nghị quyết tăng bình quân 7,94%.

²¹ Nghị quyết tăng bình quân 5,92%.

²² Nghị quyết giảm bình quân hằng năm từ 0,8% trở lên.

²³ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 65%.

²⁴ Nghị quyết hằng năm đạt 1,1%.

²⁵ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 95%.

²⁶ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 9 bác sĩ/vạn dân.

²⁷ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 68%.

²⁸ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 97%.

²⁹ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 40.000 ha.

³⁰ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 47,75%.

³¹ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 98%.

³² Nghị quyết hằng năm đạt 80% trở lên.

³³ Nghị quyết hằng năm đạt 3% trở lên.

³⁴ Nghị quyết tăng bình quân hằng năm 8,6% trở lên.

(2) Quy mô kinh tế (GRDP theo giá hiện hành) ước đến cuối năm 2025 đạt 125.597 tỷ đồng³⁵; (3) GRDP bình quân đầu người đến cuối năm 2025 ước đạt 75,69 triệu đồng³⁶; (4) Cơ cấu kinh tế: Ước cuối năm 2025, tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 29,93%; công nghiệp - xây dựng chiếm 27,75%, dịch vụ chiếm 38,44%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm 3,88%³⁷; (5) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân hàng năm 3,11%³⁸; (6) Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 8,52%³⁹; (7) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 30,51%⁴⁰. **Các chỉ tiêu xã hội:** (1) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới 110/218 xã⁴¹; (2) Số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới 5/17 đơn vị cấp huyện⁴².

Kết quả đạt được trên từng lĩnh vực:

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1 - Công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được đặc biệt coi trọng, triển khai đồng bộ, quyết liệt, đạt được kết quả toàn diện

1.1.1 - Công tác chính trị, tư tưởng; xây dựng Đảng về đạo đức được tăng cường

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh đã thường xuyên quan tâm, thực hiện đồng bộ các giải pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng cho cán bộ, đảng viên; tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong Nhân dân. Kịp thời quán triệt, tuyên truyền, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng và tổ chức thực hiện đạt kết quả quan trọng. Đồng thời, chú trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

Công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức cho cán bộ, đảng viên, quần chúng học tập, nâng cao trình độ nhận thức; nội dung, hình thức luôn được chú trọng đổi mới. Vai trò của báo chí, truyền thông và văn học, nghệ thuật trong công tác tư tưởng được phát huy.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được chú trọng; hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo 35, Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên dư luận xã hội các cấp được nâng lên;

³⁵ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 131.702 tỷ đồng.

³⁶ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 79,5 triệu đồng/người/năm.

³⁷ Nghị quyết đến năm 2025: Tương ứng các khu vực 29,89% - 31,22% - 35,4% - 3,49%.

³⁸ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 12,89%.

³⁹ Nghị quyết tăng bình quân hàng năm 9 - 10%

⁴⁰ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 35%.

⁴¹ Nghị quyết đến năm 2025 đạt 120 xã trở lên.

⁴² Nghị quyết đến năm 2025 có 10 địa phương.

công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc trên internet, mạng xã hội được đẩy mạnh. Công tác nghiên cứu, biên soạn và xuất bản lịch sử, truyền thống của các đảng bộ, tổ chức, cơ quan, đơn vị trong tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên với nhiều hình thức phù hợp.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu của cán bộ, đảng viên hằng năm.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ngày càng đi vào chiều sâu, chất lượng được nâng lên. Các cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đã chú trọng đổi mới trong công tác tổ chức, quản lý, đánh giá chất lượng đào tạo, đào tạo theo chức danh lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo, điều hành, xử lý những tình huống cụ thể ở cơ sở.

Công tác xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên được đề cao; kịp thời quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu các cấp. Nhờ đó, bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu, vai trò tiên phong gương mẫu, năng lực giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn của cán bộ, đảng viên được nâng lên.

1.1.2 - Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh đã kịp thời tổ chức quán triệt, cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Triển khai hoàn thành việc tổng kết và đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Hoàn thành sáp nhập tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã 2 tỉnh.

Việc củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên được các cấp ủy quan tâm, có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác phát

triển đảng viên được chú trọng⁴³. Công tác quản lý đảng viên được tăng cường; thường xuyên rà soát, sàng lọc, xử lý nghiêm đảng viên vi phạm, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên được thực hiện chặt chẽ, ngày càng thực chất hơn.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý được triển khai chặt chẽ, hiệu quả, đủ về số lượng, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng. Chú trọng đến cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số và đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho đội ngũ cấp uỷ viên, cán bộ chủ chốt các cấp. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, chế độ chính sách đối với cán bộ được tăng cường, gắn với kiểm soát chặt chẽ quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ. Các cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng cán bộ tiếp tục được hoàn thiện, triển khai thực hiện đạt kết quả tích cực.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng. Công tác thẩm tra, kết luận tiêu chuẩn chính trị được thực hiện chặt chẽ, thận trọng; việc bố trí, sử dụng cán bộ có vấn đề chính trị được thực hiện đúng theo quy định. Chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan theo quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên đi công tác, học tập, tiếp xúc, quan hệ với các tổ chức, cá nhân có yếu tố nước ngoài. Xây dựng, triển khai kế hoạch rà soát, thẩm định, kết luận tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác chuẩn bị nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

1.1.3 - Công tác nội chính; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được tăng cường, đạt được nhiều kết quả quan trọng

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được các cấp uỷ quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh; nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được nâng lên. Kịp thời triển khai thực hiện nghiêm các quy định về kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân.

Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; phát hiện, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực và thu hồi tài sản tham nhũng được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, kịp thời, đúng quy định. Công tác cải cách tư pháp được đẩy mạnh; chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên. Thường xuyên quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ

⁴³ Tỉnh Bình Định: Tính đến ngày 31/12/2024, đã kết nạp 11.161 đảng viên mới, bình quân hằng năm (trong 4 năm đầu nhiệm kỳ) đạt 3,96% trên tổng số đảng viên đầu nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh (chỉ tiêu trên 4%). Tỉnh Gia Lai: Từ năm 2021 đến cuối năm 2024, toàn Đảng bộ tỉnh kết nạp được 8.635 đảng viên, bình quân mỗi năm kết nạp được 2.159 đảng viên, nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh lên 67.670 đảng viên; tỷ lệ kết nạp đảng viên vượt 0,28% so với Nghị quyết đề ra.

quan, đơn vị làm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

1.1.4 - Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên

Đã lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, phù hợp với các quy định của cấp trên và yêu cầu nhiệm vụ của Đảng bộ.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm được chú trọng, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Nhiều vụ việc nghiêm trọng, phức tạp đã được kiểm tra, xử lý theo đúng quy định.

Các cấp ủy thường xuyên chỉ đạo kiện toàn ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, luân chuyển cán bộ trẻ để đào tạo thực tế ở cơ sở, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của Đảng bộ có năng lực, bản lĩnh chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng với công tác giám sát của các cơ quan dân cử, công tác thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước và hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đồng thời, phát huy tốt vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

1.1.5 - Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy tiếp tục được đổi mới, đạt nhiều kết quả tích cực

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã kịp thời quán triệt, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch hành động và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Chú trọng đổi mới phong cách, tác phong công tác, thực hiện giảm hội họp, phân công cán bộ, đảng viên phụ trách, theo dõi địa bàn để nắm bắt tình hình, kịp thời phối hợp, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở cơ sở. Chỉ đạo triển khai

quyết liệt Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

1.2 - Năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp ngày càng được nâng lên; cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh

Vai trò và chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh tiếp tục được nâng lên; đã chú trọng thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chất lượng các kỳ họp thường lệ, kỳ họp chuyên đề và hoạt động tiếp dân, tiếp xúc cử tri của đại biểu hội đồng nhân dân; thực hiện tốt chức năng giám sát theo luật định. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh được nâng lên; việc phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được đẩy mạnh.

Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính được chú trọng, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đẩy mạnh.

1.3 - Công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục được đổi mới, đạt nhiều kết quả quan trọng; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được phát huy

Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác dân vận; chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội; phát huy vai trò công tác dân vận trong tham gia quy hoạch, xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị vững mạnh được phát huy, góp phần củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân.

Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, sáng tạo theo hướng sát cơ sở; thường xuyên quan tâm xây dựng tổ chức cơ sở vững mạnh; tổ chức bộ máy, cán bộ các cấp thường xuyên được kiện toàn theo hướng nâng cao chất lượng và từng bước trẻ hóa. Các phong trào, các cuộc vận động nhất là phong trào “Dân vận khéo” ngày càng đi vào chiều sâu, qua đó tập hợp quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên, củng cố tổ chức đoàn thể các cấp.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

2.1 - Phát triển kinh tế

2.1.1 - Sản xuất công nghiệp

Tỉnh ủy Bình Định đã ban hành và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề giai đoạn 2020 - 2025. Công tác quy hoạch, phát triển công nghiệp và rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề được chú trọng; đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư, lấp đầy các khu, cụm công nghiệp hiện có, trong đó, ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường, tạo giá trị gia tăng cao. Sản xuất công nghiệp có bước phát triển và tăng trưởng khá; cơ cấu ngành công nghiệp trong nền kinh tế chuyển dịch đúng hướng; tỷ trọng ngành chế biến chế tạo, công nghiệp công nghệ cao tăng lên; các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh giữ vững tốc độ tăng trưởng; đồng thời, một số dự án mới có quy mô lớn, công nghệ hiện đại đã hoàn thành, đi vào hoạt động sản xuất.

Tỉnh ủy Gia Lai đã ban hành và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình công tác trọng tâm về phát triển công nghiệp. Sản xuất công nghiệp tuy gặp nhiều khó khăn nhưng tăng trưởng khá; cơ cấu ngành công nghiệp trong nền kinh tế chuyển dịch đúng hướng; công nghiệp năng lượng tái tạo, chế biến các nông, lâm sản chủ lực của tỉnh gắn với các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn được ưu tiên, tạo điều kiện phát triển; công tác thu hút các nhà đầu tư vào các cụm công nghiệp được quan tâm triển khai thực hiện và đạt kết quả tích cực.

2.1.2 - Sản xuất nông nghiệp

Tỉnh ủy Bình Định đã ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2025. Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện; chuyển dần theo hướng sinh thái, xanh, ứng dụng công nghệ cao. Cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản có sự chuyển dịch khá rõ nét. Tốc độ tăng trưởng của ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản trong GRDP của tỉnh bình quân đạt 3,2 - 3,3%. Bước đầu hình thành nhiều mô hình, trang trại, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và thu hút được một số dự án nông nghiệp công nghệ cao, hoạt động có hiệu quả. Các sản phẩm nông nghiệp sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, VietGAP, thích ứng với biến đổi khí hậu và gắn với liên kết chuỗi giá trị nông sản... ngày càng tăng.

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, năng suất cây trồng hàng năm tăng trưởng khá; chăn nuôi ngày càng phát triển theo hướng chăn nuôi công nghiệp, trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát được dịch bệnh. Ngành thủy sản tiếp tục phát triển. Cơ sở hạ tầng nghề cá tiếp tục được đầu tư hoàn thiện; các chính sách hỗ trợ ngư dân được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU). Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng luôn được chú trọng, nâng tỷ lệ che phủ rừng hằng năm. Hệ thống thủy lợi trên địa bàn tiếp

tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp; cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh, góp phần tăng năng suất, hiệu quả sản xuất và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực, hoàn thành sớm mục tiêu đề ra. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được triển khai thực hiện đồng bộ. Đến nay, trên địa bàn có 500 sản phẩm đạt hạng OCOP.

Tỉnh ủy Gia Lai đã ban hành và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình công tác trọng tâm về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu. Tốc độ tăng trưởng bình quân 4,31%/năm. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp dự kiến gấp 1,2 lần so với đầu nhiệm kỳ. Cơ cấu nội ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phương thức sản xuất trong trồng trọt và chăn nuôi chuyển biến tích cực theo hướng cơ giới hóa, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu. Đã thu hút 296 dự án đầu tư vào nông nghiệp với tổng số vốn 46.197 tỷ đồng, hình thành các chuỗi liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Công nghiệp chế biến và xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm nông nghiệp bước đầu đạt kết quả khả quan. Phát triển lâm nghiệp bền vững được quan tâm; tỷ lệ che phủ (bao gồm cây công nghiệp thân gỗ, cây trồng đa mục đích) ước tăng từ 47% năm 2021 lên 47,95% vào cuối năm 2025. Nuôi trồng thủy sản chuyển biến tích cực. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, tạo cơ hội phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

2.1.3 - Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, xuất khẩu, thu ngân sách

Tỉnh ủy Bình Định tiếp tục quan tâm chỉ đạo đầu tư hoàn thiện hạ tầng thương mại, dịch vụ. Các hoạt động xúc tiến thương mại được tổ chức thường xuyên, có hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Giai đoạn 2021 - 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 510.535 tỷ đồng; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 8.181,6 triệu USD. Quy mô sản xuất hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp được đầu tư mở rộng. Cơ cấu hàng xuất khẩu có sự chuyển dịch mạnh theo hướng tích cực; thị trường xuất khẩu được mở rộng. Hạ tầng logistics ngày càng được cải thiện với đầy đủ các hệ thống giao thông. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về logistics được quan tâm. Các dịch vụ tín dụng - ngân hàng, bảo hiểm và hỗ trợ kinh doanh không ngừng phát triển. Chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt; thanh toán dịch vụ công qua ngân hàng tiếp tục được đẩy mạnh.

Đã ban hành và chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình hành động về phát triển du lịch giai đoạn 2020 - 2025. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được chú trọng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch. Bình Định tiếp tục là điểm đến mới hấp dẫn, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng trưởng qua các năm, cơ cấu nguồn

thu ngày càng bền vững; chi ngân sách địa phương bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, dành nguồn lực ưu tiên để chi đầu tư phát triển.

Tỉnh ủy Gia Lai đã ban hành và chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình công tác trọng tâm về phát triển du lịch. Du lịch phục hồi tốt sau dịch Covid-19; chất lượng công tác quảng bá, truyền thông du lịch được nâng lên, tạo sức hút đối với khách tham quan. Mạng lưới thương mại, dịch vụ phân bố rộng khắp các địa bàn. Dịch vụ tăng trưởng bình quân 6,47%, chiếm 38,44% trong cơ cấu kinh tế. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng gấp 1,7 lần so với đầu nhiệm kỳ. Ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại trong cung ứng dịch vụ phát triển mạnh mẽ, phục vụ tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước. Tăng trưởng kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt mục tiêu đề ra. Thu, chi ngân sách cơ bản bảo đảm các quy định, góp phần vào việc quản lý và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.4 - Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ

Tỉnh Bình Định đã tập trung huy động, ưu tiên các nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện khâu đột phá về hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là giao thông kết nối vùng đạt nhiều kết quả nổi bật, tạo động lực phát triển cho tỉnh; đã hoàn thành, đưa vào sử dụng nhiều tuyến giao thông quan trọng và tiếp tục tập trung nguồn lực cho nhiều tuyến giao thông huyết mạch khác; hệ thống thủy lợi tiếp tục đầu tư nâng cấp, hoàn thiện, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước; triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, chú trọng xây dựng, hiện đại hóa trung tâm hậu cần nghề cá Tam Quan; cải tạo, nâng cấp các khu neo đậu Tam Quan, đầm Đê Gi; tăng cường đầu tư, nâng cấp nhiều công trình cấp nước sinh hoạt, bảo đảm cơ bản nhu cầu cho vùng thường xuyên thiếu nước trong mùa nắng hạn. Hạ tầng y tế, giáo dục được đặc biệt quan tâm đầu tư.

Tỉnh Gia Lai đã ban hành và chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình công tác trọng tâm về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực. Kết cấu hạ tầng có bước phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao thông phân bố tương đối hợp lý, một số tuyến đường bộ trọng yếu đã và đang triển khai đầu tư trong giai đoạn 2020 - 2025. Tích cực phối hợp đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku và nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Pleiku. Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện; tăng cường xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp. Hạ tầng năng lượng, thủy lợi phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân được cải thiện. Hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Hạ tầng kết nối phát triển du lịch được quan tâm. Mạng lưới y tế được mở rộng; hệ thống y tế tư nhân và hạ tầng giáo dục tiếp tục phát triển.

b) Liên kết, phát triển các khu vực trong tỉnh

Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Các khu vực trong tỉnh tiếp tục liên kết phát triển, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế. *Khu vực đô thị*: Tỷ lệ đô thị hóa cao hơn mức bình quân chung cả nước, dự kiến năm 2025 đạt từ 53% đến 55%, vượt so với chỉ tiêu đề ra; tiếp tục chỉnh trang, quy hoạch và phát triển một số khu đô thị mới. *Khu vực đồng bằng, trung du*: Hình thành các vùng chuyên canh, thâm canh cây trồng; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, công nghệ cao. Một số làng nghề được khôi phục, phát triển; đào tạo nghề cho lao động nông thôn được đẩy mạnh; tiếp tục duy trì 100% dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 40% tiếp cận nước sạch. *Khu vực miền núi*: Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các công trình hạ tầng thiết yếu được quan tâm đầu tư. Đến nay, 100% xã miền núi đều có điện lưới quốc gia và đường bê tông đến trung tâm xã; các chính sách trợ giá, trợ cước, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, đất sản xuất, xóa nhà tạm, nhà dột nát... được triển khai đồng bộ, góp phần giảm dần tỷ lệ hộ nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số với các khu vực còn lại của tỉnh. *Khu vực biển và ven biển*: Đã rà soát, quy hoạch phát triển đô thị, các điểm dân cư ven biển; xác định vị trí, mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (nguy cơ ngập, lũ lụt, sạt lở, xâm nhập mặn...); thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án chống ngập, cấp thoát nước cho địa bàn thường xuyên hạn hán, lũ lụt. Đồng thời, phê duyệt nhiều đồ án quy hoạch nhằm định hướng phát triển bền vững kinh tế - xã hội khu vực biển, ven biển.

Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt. Đô thị hóa và phát triển đô thị đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác xây dựng, chỉnh trang đô thị được triển khai theo hướng đô thị sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh. Các vùng, địa phương trong tỉnh Gia Lai đã tăng cường liên kết trong tỉnh, với các tỉnh, thành phố lân cận và cả nước. Các địa phương là hạt nhân của các vùng động lực của tỉnh duy trì đà phát triển; thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo đạt kết quả tốt. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội huyện Đức Cơ và các địa bàn lân cận thành vùng động lực kinh tế khu vực biên giới.

2.1.5 - Môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển các thành phần kinh tế

Tỉnh ủy Bình Định đã ban hành và triển khai có hiệu quả Chương trình hành động về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025. Quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến; tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và bộ phận một cửa tại các huyện, thị xã, thành phố; liên tục nhiều năm được đánh giá là địa phương đi đầu trong bộ chỉ

số phục vụ người dân, doanh nghiệp. Giai đoạn 2021 - 2024, toàn tỉnh thu hút được 327 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký là trên 187.603 tỷ đồng. Các thành phần kinh tế trên địa bàn tiếp tục phát triển. Doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo đúng lộ trình, hoạt động có hiệu quả. Kinh tế tư nhân, hộ gia đình phát triển khá. Kinh tế hợp tác tiếp tục được nâng cao chất lượng, nhiều hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Công tác thu hút, kêu gọi phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt được kết quả tích cực.

Tỉnh ủy Gia Lai đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phát triển kinh tế tập thể, tập trung đổi mới mô hình tổ chức, củng cố, khẳng định vai trò, vị trí và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Khu vực kinh tế tư nhân dần phục hồi sau dịch Covid-19, góp phần quan trọng trong tạo việc làm, tăng thu ngân sách nhà nước.

2.2 - Khoa học, công nghệ

Tỉnh ủy Bình Định đã ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hành động về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2020 - 2025. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống được đẩy mạnh. Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được thúc đẩy mạnh mẽ. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2025 đạt 39,6%, đạt chỉ tiêu đề ra. Đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và nhiều quy định, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn. Tỉnh đã phê duyệt và triển khai 04 Đề án lớn về khoa học, công nghệ đó là: Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2025 - 2030; Đề án phát triển giáo dục STEM trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2025 - 2030; Đề án thành lập Khu Công nghệ thông tin tập trung tỉnh Bình Định; Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn và an ninh mạng tỉnh Bình Định. Khu đô thị Khoa học Quy Hòa với nòng cốt là Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành được quan tâm đầu tư, tiếp tục trở thành điểm đến tin cậy của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện triển khai các dự án công nghệ thông tin, phần mềm, trí tuệ nhân tạo... đã được phê duyệt và thu hút một số dự án mới đầu tư trên địa bàn tỉnh, góp phần tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh.

Tỉnh Gia Lai: Công tác quản lý, hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ từng bước được đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn; công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống đạt hiệu quả. Nhiều công trình nghiên cứu đã được đưa vào ứng dụng trong thực tế sản xuất, đời sống mang lại hiệu quả cao, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Triển khai chương trình đổi mới sáng

tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; phát triển doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ. Hoạt động sở hữu trí tuệ và thông tin khoa học, công nghệ được quan tâm. Tiềm lực khoa học, công nghệ được tăng cường đầu tư, góp phần nâng cao năng lực hoạt động, tích cực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.3 - Công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Các cấp, các ngành đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường. Nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về bảo vệ môi trường được nâng lên. Quan tâm nâng cao chất lượng môi trường; thực hiện nhất quán chủ trương không thu hút, cấp phép các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Công tác quản lý chất thải, quan trắc, kiểm tra, kiểm soát, giám sát ô nhiễm môi trường được tăng cường; tỷ lệ chất thải rắn đô thị, chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường, đạt chỉ tiêu đề ra. Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng triển khai thực hiện. Lồng ghép các giải pháp giảm tác động của biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai vào Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển khác của địa phương.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

3.1 - Hoạt động văn hóa, thông tin - truyền thông, thể dục - thể thao

Tỉnh Bình Định chú trọng gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch. Các sự kiện lễ hội, hoạt động văn hóa được tổ chức đa dạng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần Nhân dân. Thể dục, thể thao tiếp tục phát triển mạnh mẽ cả phong trào và thành tích cao. Thiết chế văn hóa - thể thao, thư viện công cộng được đầu tư, hoạt động hiệu quả. Hoạt động báo chí, truyền thông đổi mới, hướng mạnh về cơ sở; triển khai truyền thanh thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Việc chuyển đổi số, nhất là trong lĩnh vực thông tin cơ sở và dữ liệu văn hóa, được đẩy mạnh; hạ tầng viễn thông mở rộng, hình thành kết nối chiến lược với hệ thống mạng quốc gia qua cáp quang biển tại Quy Nhơn.

Tỉnh Gia Lai đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; chú trọng bảo tồn bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số. Phong trào văn hóa quần chúng, thể thao cộng đồng phát triển sâu rộng; thể thao thành tích cao đạt kết quả tích cực. Công tác thông tin, truyền thông được tăng cường, báo chí, phát thanh, truyền hình phát triển; chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thông tin đạt kết quả bước đầu. Việc thực hiện Nghị quyết về chuyển đổi số đạt một số kết quả rõ nét, đặc biệt trong hạ tầng số, chính quyền số và truyền thông cơ sở.

3.2 - Hoạt động giáo dục và đào tạo

Tỉnh Bình Định: Giáo dục và đào tạo được quan tâm phát triển toàn diện. Kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, tiểu học, trung học cơ sở được duy trì vững chắc; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt hiệu quả tích cực; tập trung triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo phát triển cả về chất và lượng. Quy mô giáo dục, mạng lưới trường, lớp học mầm non, phổ thông và các cơ sở dạy nghề tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được đẩy mạnh; công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh tiếp tục được quan tâm. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt được những kết quả quan trọng, nhất là huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học. Các cơ sở giáo dục - đào tạo, dạy nghề trên địa bàn tiếp tục được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Tỉnh Gia Lai: Giáo dục và đào tạo được quan tâm đầu tư, quy mô trường lớp tiếp tục được chuẩn hóa, từng bước đáp ứng nhu cầu dạy và học. Công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo đạt được một số kết quả khả quan; đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất để thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông từng bước được quy chuẩn, hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và nhu cầu phát triển của xã hội. Chất lượng giáo dục tiếp tục được giữ vững và nâng cao. Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở được quan tâm; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp tăng qua từng năm. Xã hội hóa giáo dục ngày càng nhận được nhiều sự đóng góp của toàn xã hội. Các phân hiệu đại học, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục thường xuyên đã chủ động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3.3 - Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao

Tỉnh ủy Bình Định đã ban hành và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị có sự chuyển biến tích cực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ được chú trọng. Chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện; kịp thời sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Ưu tiên đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong một số ngành, lĩnh vực gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tỉnh ủy Gia Lai đã ban hành và chỉ đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU về tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tỉnh Gia Lai đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức mới được đặc biệt coi trọng, đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng lên, cơ bản đáp

ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Cơ cấu đội ngũ cán bộ có sự cân đối, hợp lý hơn.

3.4 - Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình; bảo vệ và chăm sóc bà mẹ, trẻ em

Tỉnh Bình Định tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là dịch Covid-19 được thực hiện quyết liệt, hiệu quả, bảo vệ an toàn sức khỏe cộng đồng. Hệ thống y tế cơ sở được củng cố; duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc; toàn bộ xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế tiếp tục được đầu tư nâng cấp, từng bước đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh trong tình hình mới. Nhiều kỹ thuật chuyên sâu được triển khai tại các bệnh viện tuyến tỉnh. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình được chú trọng; duy trì vững chắc mức sinh thay thế, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm dần. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,15%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

Tỉnh Gia Lai tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển mạng lưới y tế và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Hệ thống y tế các cấp được củng cố; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ đạt 94%, tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế trên 95%; số bác sĩ/vạn dân đạt 09 bác sĩ, đáp ứng mục tiêu đề ra. Công tác khám, chữa bệnh có chuyển biến tích cực, chú trọng cả y học hiện đại và y học cổ truyền. Các chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc dinh dưỡng trẻ em, cải thiện sức khỏe cộng đồng được triển khai đồng bộ. Xã hội hóa y tế tiếp tục được thúc đẩy, các cơ sở y tế tư nhân phát triển, góp phần giảm tải cho y tế công lập. Hạ tầng y tế tiếp tục được đầu tư theo Đề án phát triển hệ thống y tế đến năm 2030, bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của Nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

3.5 - Về các vấn đề xã hội

Tỉnh Bình Định tập trung giải quyết đồng bộ các vấn đề xã hội gắn với phát triển kinh tế. Đời sống Nhân dân ổn định, có bước cải thiện rõ nét. Công tác giảm nghèo được triển khai quyết liệt, đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 0,62%, thấp hơn mức bình quân chung của cả nước; hoàn thành công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn vượt kế hoạch đề ra trước 7 tháng. Chính sách an sinh xã hội, người có công, chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác chăm lo cho trẻ em, người yếu thế và bình đẳng giới tiếp tục được chú trọng. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động đạt kết quả tích cực. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện xã hội được quan tâm đẩy mạnh, huy động được nhiều nguồn lực xã hội cùng tham gia.

Tỉnh Gia Lai tiếp tục ưu tiên nguồn lực và tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa

chiều giảm từ 12,09% năm 2021 còn 4,05% vào cuối năm 2025; mức giảm hộ nghèo bình quân đạt 2%/năm, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng sâu, vùng xa, biên giới được quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số. Chính sách đối với người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện đúng quy định, bảo đảm công bằng, kịp thời. Công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề được chú trọng, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%. Các hoạt động hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh được triển khai kịp thời, đúng đối tượng; công tác xã hội hóa được khuyến khích, nhiều mô hình chăm lo đời sống cộng đồng được nhân rộng; đã hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát và hỗ trợ cải thiện nhà ở cho người có công theo chỉ đạo của Trung ương.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

4.1 - Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được đặc biệt chú trọng, thực hiện hiệu quả

Tỉnh Bình Định đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai hiệu quả các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân và khu vực phòng thủ vững chắc được chú trọng. Lực lượng vũ trang tỉnh được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; công tác sẵn sàng chiến đấu được nâng cao. Chất lượng huấn luyện, diễn tập chiến đấu phòng thủ, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được nâng lên. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao. Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Chủ động đấu tranh bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, biển đảo; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân ngày càng vững chắc. Chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh không ngừng được nâng lên; tổ chức biên chế được kiện toàn theo hướng tinh, gọn, mạnh. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao. Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh được đẩy mạnh, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Hoạt động phối hợp giữa lực lượng quân sự, công an, biên phòng ngày càng hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định địa bàn, bảo đảm an ninh biên giới.

4.2 - An ninh, trật tự được bảo đảm, chính trị - xã hội được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

Tỉnh Bình Định đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Công tác nắm, dự báo tình hình được tăng cường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả với các âm mưu, hoạt động chống

phá của các thế lực thù địch, phản động. Các đợt cao điểm ra quân tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ được triển khai quyết liệt, đạt kết quả tích cực. Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tiếp tục được nâng cao, hiệu quả; phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm được thực hiện đồng bộ. Công tác tuần tra, kiểm soát biên giới, vùng biển được chú trọng. Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được củng cố, gắn kết hiệu quả với công tác an sinh xã hội.

Tỉnh Gia Lai tăng cường đảm bảo an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, nhất là tại địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề nổi lên, không để bị động, bất ngờ. Công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội được triển khai quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm. An ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh dân tộc được bảo đảm; tình hình an ninh trật tự tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được giữ vững. Lực lượng công an các cấp được củng cố, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Hoạt động phối hợp với lực lượng quân đội và các ngành chức năng được phát huy hiệu quả, nhất là tại khu vực biên giới. Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai rộng khắp, có nhiều mô hình sáng tạo, hiệu quả.

4.3 - Hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh

Tỉnh Bình Định đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương trong nước, các tổ chức và đối tác quốc tế. Nhiều sự kiện đối ngoại được tổ chức thành công, góp phần quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Các đoàn công tác của tỉnh đi khảo sát, xúc tiến đầu tư tại nhiều quốc gia, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ. Công tác thông tin, lễ tân và văn hóa đối ngoại được triển khai bài bản, hiệu quả; chất lượng công tác thông tin đối ngoại ngày càng được nâng lên.

Tỉnh Gia Lai chủ động triển khai các hoạt động đối ngoại phù hợp với tình hình mới; duy trì, mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh bạn Lào, Campuchia và các tổ chức quốc tế. Công tác đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân được phối hợp chặt chẽ. Các chương trình giao lưu, hợp tác biên giới, kết nghĩa giữa các huyện, thị xã biên giới của tỉnh với các địa phương nước bạn được tổ chức định kỳ, góp phần giữ gìn an ninh khu vực và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên. Công tác xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thông qua các kênh đối ngoại được quan tâm thực hiện.

*** Nguyên nhân của kết quả đạt được:**

Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ sự lãnh đạo, giúp đỡ, chỉ đạo sâu sát của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban, bộ, ngành Trung ương; sự đoàn kết, thống nhất và sự lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ

tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, của các cấp ủy, tổ chức đảng 2 tỉnh; là kết quả của sự quản lý, điều hành quyết liệt của Ủy ban nhân dân các cấp; sự đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; sự tham gia tích cực, hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội. Đặc biệt là tạo được sự đồng thuận, phát huy được tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm và khát vọng vươn lên của Nhân dân 2 tỉnh.

II - HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết ở một số tổ chức đảng chưa sâu rộng, nhất là tuyên truyền trong Nhân dân; việc cụ thể hóa, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện chưa sát với tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân có lúc, có nơi chưa thật sâu sát, thiếu kịp thời.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ ở một số nơi có mặt còn hạn chế. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của một số cấp ủy chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với nhiệm vụ được giao. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng ở một số nơi còn chậm; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế. Kết nạp đảng viên ở một số tổ chức đảng chưa đạt chỉ tiêu so với nghị quyết đề ra.

Hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp ở một số nơi còn chậm đổi mới, thiếu quyết liệt, chưa tạo được đột phá, còn tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm. Công tác đôn đốc, giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri tuy đã được quan tâm nhưng vẫn còn tình trạng chậm trễ, chưa xử lý dứt điểm.

Công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ở cơ sở tuy đã được tăng cường nhưng hiệu quả còn hạn chế; việc phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội ở một số nơi còn hình thức, chưa rõ nét.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

Tỉnh Bình Định: Kinh tế tỉnh tuy phát triển nhưng chưa bền vững; chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp, dịch vụ còn chậm, thiếu đột phá. Công nghiệp chưa phát triển ổn định, sản phẩm thiếu tính cạnh tranh. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, thiếu sản phẩm chủ lực phục vụ hàng hóa và xuất khẩu. Một số chính sách, chương trình triển khai chưa hiệu quả. Tình trạng lấn chiếm đất đai, khai thác tài nguyên trái phép, ô nhiễm môi trường, phá rừng, vi phạm vùng biển nước ngoài... tuy được tập trung xử lý nhưng vẫn còn tồn tại. Thương mại,

dịch vụ ở vùng sâu, vùng xa còn khó khăn. Du lịch phát triển chưa tương xứng tiềm năng, sản phẩm du lịch chưa phong phú, hạ tầng vui chơi - giải trí còn yếu; chất lượng nguồn nhân lực và công tác quảng bá chưa đáp ứng yêu cầu. Ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống hiệu quả chưa cao; hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo chưa có sự đột phá.

Tỉnh Gia Lai: Kinh tế tỉnh tuy duy trì ổn định nhưng chưa có nhiều bứt phá; tốc độ tăng trưởng kinh tế còn thấp, không đạt mục tiêu đề ra; có 07 chỉ tiêu kinh tế⁴⁴ và 02 chỉ tiêu xã hội⁴⁵ không đạt Nghị quyết. Chất lượng tăng trưởng chưa bền vững; quy mô công nghiệp còn nhỏ, chủ yếu tập trung vào công nghiệp sản xuất điện; trình độ ứng dụng khoa học và công nghệ còn hạn chế. Hạ tầng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh còn nhiều hạn chế; công tác quy hoạch, quản lý xây dựng, đô thị chưa chặt chẽ, đồng bộ. Việc quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân còn bất cập. Một số dự án viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài chậm triển khai.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

Tỉnh Bình Định: Cơ sở giáo dục một số nơi còn thiếu thiết bị phù hợp chương trình mới. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, nhất là việc trùng tu, tôn tạo, quản lý và phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử có mặt còn hạn chế. Một số cơ sở y tế gặp khó khăn tài chính, thiếu bác sĩ tuyến cơ sở. Thị trường lao động phát triển chậm, chất lượng việc làm thấp; nguy cơ tái nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao.

Tỉnh Gia Lai: Lĩnh vực văn hóa - xã hội còn những tồn tại, bất cập; chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển, nhu cầu của xã hội; kết cấu hạ tầng và trang thiết bị y tế ở nhiều nơi còn thiếu; kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo có nguy cơ tái nghèo còn cao.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Tỉnh Bình Định: Tình hình an ninh, trật tự có lúc, có nơi phức tạp, nhất là tệ nạn ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Xử lý khiếu nại, tố cáo có vụ việc còn chậm. Phối hợp tháo gỡ khó khăn thiếu chặt chẽ; cải cách hành chính, giải quyết thủ tục tại một số đơn vị còn hạn chế.

Tỉnh Gia Lai: Tình hình an ninh, trật tự trên một số địa bàn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, quản lý đối tượng

⁴⁴ (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân; (2) Quy mô kinh tế (GRDP theo giá hiện hành); (3) GRDP bình quân đầu người; (4) Cơ cấu kinh tế; (5) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân hằng năm; (6) Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hằng năm; (7) Tỷ lệ đô thị hóa.

⁴⁵ (1) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới; (2) Số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu, để một số đối tượng trong tỉnh nhận chỉ đạo từ bên ngoài hoạt động phục hồi FULRO, “Tin lành Đê Ga”. Một số loại tội phạm xâm phạm trật tự xã hội diễn biến phức tạp; việc giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện, khiếu nại kéo dài chưa dứt điểm. Tiến độ điều tra, xử lý một số vụ án tham nhũng, tiêu cực còn chậm; tỷ lệ thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng còn thấp. Công tác hợp tác quốc tế của địa phương tuy có chuyển biến nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh.

*** Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém:**

- Nguyên nhân khách quan:

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong bối cảnh chịu những tác động tiêu cực, nguy hiểm, chưa có tiền lệ của đại dịch Covid-19 và những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới đã tác động mạnh đến kinh tế - xã hội của 2 tỉnh. Xuất phát điểm nền kinh tế của 2 tỉnh thấp, hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn 2 tỉnh có quy mô nhỏ, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo bước đột phá nhằm thúc đẩy kinh tế của 2 tỉnh phát triển nhanh. Hạ tầng kinh tế chưa đồng bộ, hiện đại. Nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế, thu ngân sách còn thấp nên ảnh hưởng đến chi đầu tư phát triển. Thiên tai, dịch bệnh thường xuyên đe dọa; những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã gây bất lợi đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

- Nguyên nhân chủ quan:

Nhận thức, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, một số cơ quan, tổ chức còn hạn chế; các giải pháp thực hiện và sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có nơi, có lúc chưa đồng bộ, thiếu quyết liệt và kịp thời. Tinh thần trách nhiệm, năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu. Nguồn nhân lực có tay nghề và chất lượng cao còn hạn chế; phân bổ nguồn nhân lực giữa các ngành, vùng địa phương chưa hợp lý.

III - ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Nhìn chung, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ 2 tỉnh, tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng đã đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều điểm sáng nổi bật, đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đề ra. Nền kinh tế của 2 tỉnh tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu phát triển; hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên; quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã

hội được bảo đảm; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh; hệ thống chính trị được sắp xếp, tinh gọn; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được củng cố, nâng cao; khối đại đoàn kết toàn dân được xây dựng vững chắc.

2. Bài học kinh nghiệm

2.1 - Kiên định, vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nắm vững, nghiêm túc chấp hành và cụ thể hóa kịp thời, hiệu quả đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của cấp ủy đảng và các quy định, quyết định của chính quyền các cấp; đồng thời coi trọng công tác tổng kết thực tiễn.

2.2 - Đặc biệt quan tâm công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ và xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện; luôn giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, trước hết là trong cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng.

2.3 - Không ngừng đổi mới tư duy, bám sát thực tiễn, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, kịp thời phát hiện và quan tâm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở để huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững. Đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp chung” đi đôi với giữ vững kỷ cương.

2.4 - Tập trung huy động nội lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đồng thời chủ động, tích cực tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và nguồn lực bên ngoài trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Luôn coi trọng phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

2.5 - Tăng cường và giữ vững sự đồng thuận xã hội; xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “Dân là gốc”, mọi chủ trương, đường lối, chính sách đều phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân; thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ thưởng”; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của Nhân dân làm thước đo đánh giá cán bộ và hiệu quả công việc.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I - BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Tình hình thế giới và khu vực đang diễn biến nhanh, phức tạp chưa từng có; hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, tuy nhiên cạnh tranh chiến lược, xung đột diễn ra dưới những hình thức mới và gay gắt hơn, không loại trừ nguy cơ chiến tranh lan rộng. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghiệp trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, rô bốt, internet vạn vật, chuyển đổi số, cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang là hai xu thế lớn, chi phối sâu sắc tiến trình phát triển; các rào cản thương mại mới nổi và khả năng gia tăng các hạn chế thương mại, đặc biệt là những hạn chế liên quan đến chính sách thuế quan của Hoa Kỳ đã và đang tác động tiêu cực đến kinh tế thế giới và nước ta. Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn.

Bối cảnh trong nước, sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên, là nền tảng quan trọng để tiếp tục xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc... Tuy nhiên, đất nước ta sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ có mặt diễn biến phức tạp hơn. Các thế lực thù địch, phản động chưa bao giờ từ bỏ âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Đảng ta đề ra mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 đạt hai con số liên tục trong các năm. Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân là đòn bẩy tạo ra cơ hội lịch sử mới cho sự phát triển mạnh mẽ đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - kỷ nguyên đất nước phát triển giàu mạnh và thịnh vượng.

Đối với tỉnh Gia Lai mới, dư địa phát triển của tỉnh sau sáp nhập rất lớn, không chỉ mở rộng quy mô về diện tích và dân số, mà còn mở rộng không gian, tiềm năng phát triển toàn diện từ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch. Những thành quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của 2 tỉnh Bình Định và Gia Lai là tài sản, nguồn lực to lớn cho sự phát triển của tỉnh trong thời gian tới. Tuy nhiên, tỉnh tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Kinh tế phát triển chưa bền vững; khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền còn lớn; nguồn nội lực còn hạn chế; tác động khó lường của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, quân và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh kế thừa những thành quả đạt được, tập trung phát huy lợi thế, nắm bắt thời cơ mới, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị giai đoạn 2025 - 2030.

II - QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng, bảo đảm phát triển để ổn định và ổn định để phát triển nhanh, bền vững, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nhận diện sớm, phát huy nhanh mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tỉnh phát triển bức phá và bền vững; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm, kiên quyết không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

3. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về cơ chế, chính sách; khơi thông và giải phóng các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, nêu cao tinh thần sáng tạo, khát vọng vươn lên, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển; đột phá mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; có chính sách đặc thù, vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là đối với các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh.

4. Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững mạnh. Lấy phát triển kinh tế - xã hội để duy trì ổn định an ninh, quốc phòng và ổn định an ninh, quốc phòng để phát triển kinh tế - xã hội. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

5. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; năng lực quản lý, quản trị phát triển của bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp. Phát huy sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

III - MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội; phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, ý chí, khát vọng vươn lên; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tư nhân; xây dựng tỉnh Gia Lai phát triển nhanh, bền vững, trở thành trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng

tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI); phấn đấu đưa tỉnh Gia Lai trở thành tỉnh phát triển khá và cùng với cả nước vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1 - Các chỉ tiêu kinh tế

Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) giai đoạn 2025 - 2030 phấn đấu đạt 10% - 10,5%/năm (giá so sánh 2010), trong đó, nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,8 - 4%, công nghiệp - xây dựng tăng 13,5 - 14,5% (công nghiệp tăng 13,5 - 14,5%, xây dựng tăng 13,5 - 14,5%), dịch vụ tăng 10,5 - 11%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 10 - 10,5%. GRDP bình quân đầu người đạt 6.300 - 6.500 USD. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 19,5 - 20%; công nghiệp - xây dựng chiếm 36 - 36,5%; dịch vụ chiếm 40 - 41%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,2%. Đến năm 2030, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt trên 41.000 tỷ đồng. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 17 tỷ USD. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đến cuối năm 2030 đạt 32,2%/GRDP. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế từ 50% trở lên. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP từ 25 - 30%. Đến năm 2030, phấn đấu đón 18,5 triệu lượt khách du lịch; trong đó có 1,1 triệu lượt khách quốc tế. Đến năm 2030, có 20 doanh nghiệp/ngàn dân.

2.2 - Các chỉ tiêu xã hội

Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%. Có 94 xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, có 34 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tối thiểu 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75,2%. Tỷ lệ trưởng được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt ít nhất 80,5%. Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc; 100% số xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Giảm tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn mức bình quân chung cả nước. Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động đạt trên 35,6%. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đạt 98%. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn dưới 16,96%. Số lượng căn hộ nhà ở xã hội hoàn thành trên 11.800 căn.

2.3 - Các chỉ tiêu về môi trường

Tỷ lệ che phủ rừng trên 46,5%. Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,8%; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch (từ công trình cấp nước tập trung) đạt tối thiểu 67,5%. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 91,3%. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt 95%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn được thu gom, xử lý đạt 85%. Duy trì 100% tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế và 98% chất thải công

nghiệp nguy hại được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường.

2.4 - Các chỉ tiêu về xây dựng Đảng

Hàng năm, có trên 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hàng năm trong giai đoạn 2025 - 2030 đạt từ 3% trở lên so với tổng số đảng viên.

IV - CÁC TRỤ CỘT TĂNG TRƯỞNG

1. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo lớn mạnh, trở thành trụ đỡ của nền kinh tế⁴⁶, dựa trên lợi thế về lao động, nông nghiệp và khai thác có hiệu quả hành lang kinh tế Đông - Tây, nhất là khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, trên trục Quốc lộ 19 và cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; tạo đột phá về phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh, hình thành Trung tâm năng lượng tái tạo của vùng; hỗ trợ chuyển đổi xanh; phát triển công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng.

2. Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn⁴⁷ dựa trên lợi thế biển, sinh thái núi rừng, di sản văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Chăm-pa, văn hóa lịch sử, cách mạng; đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng.

3. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao và lâm nghiệp bền vững dựa trên lợi thế của tỉnh có đất đỏ Bazan, có đồng bằng, có đồi núi thấp để phát triển các vùng chuyên canh lớn (cà phê, hồ tiêu, rau quả sạch, dược liệu, chăn nuôi tập trung,...), có biển để phát triển thủy sản công nghệ cao, hình thành các “cực điểm nông - công nghiệp”, xây dựng mô hình vùng nguyên liệu tập trung, nâng cao các chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của tỉnh.

4. Phát triển dịch vụ cảng - logistics bao gồm cảng biển, ga đường sắt, cảng hàng không, cảng cạn dọc theo Quốc lộ 19, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, hình thành các trung tâm logistics từ cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đến cảng Quy Nhơn.

5. Phát triển đô thị nhanh và bền vững gắn với phát triển thị trường bất động sản công nghiệp, đô thị, bất động sản du lịch, hạ tầng dịch vụ; kinh tế đô thị đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

V - CÁC KHẤU ĐỘT PHÁ

1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, vận dụng sáng tạo các Nghị quyết

⁴⁶ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045: Về quan điểm chỉ đạo, “Coi công nghiệp chế biến, chế tạo là then chốt”.

⁴⁷ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn: Về mục tiêu, “Phấn đấu đến năm 2030, du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”.

của Trung ương⁴⁸, làm nền tảng thể chế, tạo động lực để tỉnh Gia Lai vươn mình trong kỷ nguyên mới. Đổi mới mô hình quản trị từ quản lý sang chính quyền kiến tạo và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp tỉnh, gọn, mạnh, có nền công vụ hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng chính quyền số; bảo đảm môi trường pháp lý thông thoáng, minh bạch, an toàn cho hoạt động đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

2. **Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;** coi đây là động lực mới quan trọng thúc đẩy sự phát triển của tỉnh. Tăng cường đầu tư hạ tầng cho khoa học, công nghệ. Tập trung thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành những cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để tháo gỡ các điểm nghẽn, thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, khoa học công nghệ tiên tiến thuộc các lĩnh vực đầu tư vào địa bàn tỉnh.

3. **Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.** Nâng tầm đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp chính quyền đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

4. **Tạo sự đột phá trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng cảng - logistic, hạ tầng công nghiệp - thương mại - dịch vụ, hạ tầng số.** Ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông kết nối các địa bàn: cao nguyên - trung du - đồng bằng - ven biển; hệ thống thủy lợi (các hồ, kênh mương) bảo đảm nhu cầu nước tưới cho vùng trồng, nhất là vùng trồng cây công nghiệp.

VI – NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1 - **Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ và chất lượng đội ngũ đảng viên**

1.1.1 - **Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng; xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức**

a) **Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng**

Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh,

⁴⁸ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

đường lối đổi mới, các chủ trương, nghị quyết của Đảng phù hợp với thực tiễn địa phương. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp công tác chính trị tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nắm bắt, giải quyết kịp thời tình hình, diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, định hướng chính xác, kịp thời các vấn đề tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận trong Nhân dân.

Tiếp tục đổi mới, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng, của dân tộc, của quê hương trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng; kiên quyết khắc phục những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống “diễn biến hòa bình”. Phát huy tốt vai trò của báo chí, văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng của Đảng.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, nâng cao nhận thức, trình độ, bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên; xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn theo quy định. Chú trọng bồi dưỡng ý thức giác ngộ chính trị, lý tưởng, truyền thống cách mạng cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

b) Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức

Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên về vai trò đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Triển khai và thực hiện nghiêm các quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nêu gương.

Kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

1.1.2 - Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ

a) Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức,

viên chức nêu cao trách nhiệm, quyết tâm thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, tăng cường hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng về công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị, thực hiện việc tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tốt công tác tư tưởng và giải quyết kịp thời chế độ, chính sách đối với các trường hợp bị ảnh hưởng do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế lựa chọn, đánh giá, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

b) Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với thực tiễn. Thường xuyên kiện toàn cấp ủy, củng cố các tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm vai trò hạt nhân chính trị và lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao ở cơ sở. Đổi mới hoạt động và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Triển khai thực hiện hiệu quả Sổ tay đảng viên điện tử. Đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên, chú trọng phát triển đảng viên trong đoàn viên thanh niên, học sinh, sinh viên, dân quân tự vệ, dự bị động viên, công nhân lao động, đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác quản lý đảng viên, chú trọng quản lý đảng viên đi làm ăn xa; kịp thời rà soát, phát hiện, giáo dục, sàng lọc, xử lý đảng viên vi phạm, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

c) Đổi mới mạnh mẽ, tạo đột phá trong công tác cán bộ; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp tỉnh và người đứng đầu. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ, bảo đảm thực hiện thống nhất nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Chú trọng đổi mới phương pháp đánh giá và cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá, nhận xét cán bộ. Quan tâm coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt việc thí điểm một số chủ trương, giải pháp đổi mới, đột phá trong công tác cán bộ. Kiên quyết không để lọt vào cấp ủy những người không đủ tiêu chuẩn, giảm sút uy tín, phẩm chất, đạo đức, đùn đẩy trách nhiệm, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực; phòng chống các biểu hiện bè phái, “lợi ích nhóm” và chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ. Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú trọng vấn đề chính trị

hiện nay, bảo đảm đoàn kết, nhất trí và sự trong sạch, vững mạnh của Đảng; tăng cường công tác bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước.

1.1.3 - Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Tăng cường nắm bắt tình hình, tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát, xác minh việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên theo quy định.

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật và giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp.

1.1.4 - Đổi mới công tác dân vận, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

Các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về công tác dân vận. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động Nhân dân. Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc Nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Gắn công tác dân vận với thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nhất là từ cơ sở.

1.1.5 - Tăng cường công tác nội chính; kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về những chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của toàn dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức xây dựng văn hóa liêm chính, thực hiện phương châm 4

không trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực⁴⁹. Chỉ đạo tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát người đứng đầu thực hiện trách nhiệm trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; triển khai quyết liệt, thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; giải quyết kịp thời, có hiệu quả đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

1.1.6 - Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp. Đổi mới việc ban hành, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết sát với tình hình thực tiễn và có tính khả thi cao. Chăm lo xây dựng, củng cố và phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân lãnh đạo của cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng bộ.

1.2 - Nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền số, xã hội số

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trọng tâm là quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá”; tập trung nâng cao chất lượng ban hành, thể chế hóa văn bản quy phạm pháp luật thành các cơ chế, chính sách hiệu quả trên mọi lĩnh vực; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi pháp luật; bảo đảm pháp luật được thi hành nghiêm minh, thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước cho các ngành, địa phương. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao năng lực tự chủ, chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, tinh thông nghiệp vụ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong cải

⁴⁹ “Không muốn”, “không thể”, “không dám”, “không cần”.

cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ.

1.3 - Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân

Quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; lấy hạnh phúc và hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu.

Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể trong thực hiện công tác dân vận. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân; nắm bắt và giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng, các kiến nghị chính đáng của Nhân dân.

Đẩy mạnh thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”; tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận, động viên các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững, giữ vững quốc phòng, an ninh. Phát huy mọi tiềm năng, trí tuệ của Nhân dân trong xây dựng và phát triển quê hương, đất nước.

Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng, củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân. Thực hiện có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” và cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, thông qua đó phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh.

Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng phong cách công tác “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, sâu sát cơ sở”, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, góp sức xây dựng tỉnh nhà ngày càng giàu đẹp, đời sống của Nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

2.1 - Phát triển kinh tế

Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững; cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số; phát triển kinh tế tư nhân thật sự trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; đẩy mạnh hội

nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả, tranh thủ mọi nguồn lực để phát triển.

2.1.1 - Phát triển công nghiệp với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, hướng tới tăng trưởng xanh

Phát triển ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô lớn, có sự bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Ngành chế biến, chế tạo trở thành trụ đỡ của nền kinh tế; công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trở thành một trong những lĩnh vực đột phá, góp phần đưa tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp số của vùng. Triển khai hiệu quả Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn - an ninh mạng; Đề án xây dựng Khu Công nghệ thông tin tập trung với hạ tầng đồng bộ, định hướng phát triển thành hạt nhân của hệ sinh thái công nghệ số, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Chú trọng thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác và nguồn năng lượng mới (hydrogen/amoniac xanh...). Đồng thời, thu hút các dự án sản xuất thép quy mô lớn, đóng tàu, hóa dầu, sản xuất thiết bị phụ trợ điện gió có công nghệ tiên tiến; tăng cường liên kết giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực trong nước.

Đẩy mạnh hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, tăng tỷ lệ lấp đầy trong các khu kinh tế, khu công nghiệp hiện hữu, nhất là Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, Khu công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ Becamex - VSIP Bình Định. Đầu tư xây dựng mới một số khu công nghiệp trọng điểm như: Phù Mỹ, Hoài Mỹ, Cát Trinh, Bình Nghi, Trà Đa, Nam Pleiku, Đak Đoa, khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh...; hình thành vành đai công nghiệp Vân Canh - An Nhơn - Phù Cát, phát triển Khu công nghiệp điện tử, bán dẫn Hòa Hội và Khu công nghiệp Cát Trinh gắn với đô thị sân bay Phù Cát và dọc cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; phát triển hành lang công nghiệp dọc đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 25. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đồng bộ các cụm công nghiệp hiện có, phát triển các cụm công nghiệp mới theo quy hoạch.

2.1.2 - Nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển toàn diện sản xuất nông nghiệp; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai

Phát triển nông nghiệp sinh thái, xanh, thân thiện môi trường, nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến nông, lâm, thủy sản. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Khai thác có hiệu quả lợi thế của tỉnh có đất đỏ Bazan, có đồng bằng, đồi núi thấp, đa dạng về điều kiện khí hậu để hình thành vùng nguyên liệu, vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, có thương hiệu của tỉnh (cà phê, hồ tiêu, chanh dây, sầu, lạc, rau quả sạch, dược liệu, chăn nuôi bò sữa...). Xây dựng thương hiệu nông sản, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch và chuỗi giá trị nông nghiệp gắn với ứng dụng thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc. Hình thành trung tâm chế biến nông, lâm, thủy sản xuất khẩu gắn với các trung tâm dịch vụ logistics và chế biến xuất khẩu nông sản của tỉnh và khu vực. Đến năm 2030, phân đầu đưa Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp chế biến nông, lâm sản của vùng và tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia.

Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh tập trung, ứng dụng công nghệ cao; phát triển nuôi trồng hải sản trên biển quy mô lớn, công nghệ cao. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ; thực hiện hiệu quả các giải pháp về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định. Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm công nghệ cao⁵⁰, chế biến hải sản xuất khẩu.

Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững gắn với phát triển kinh tế dưới tán rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm an ninh nguồn nước, tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, nhất là hình thành bể chứa carbon khu vực và hướng tới thị trường quốc tế tiềm năng. Phát triển rừng trồng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng theo hướng phát triển bền vững, đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản. Phát triển các cụm công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản công nghệ cao gắn với các vùng trồng rừng tập trung.

Xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, giữa nông thôn với thành thị. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, làng. Chủ động và đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP.

Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai cho thu hút đầu tư, phát triển đồng bộ với thúc đẩy đô thị hóa bền vững. Hoàn thành các quy hoạch chung, quy hoạch vùng, quy hoạch phân khu, quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026 - 2030; tiếp tục đẩy mạnh số hóa dữ liệu đất đai.

2.1.3 - Nâng cao hiệu quả các hoạt động thương mại, dịch vụ, đẩy mạnh xuất khẩu, thu ngân sách; phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

⁵⁰ Đầu tư phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất tôm xã An Lương.

Hình thành và phát triển khu thương mại tự do gắn liền với khu công nghiệp và khu bến cảng Phù Mỹ, góp phần đưa Gia Lai tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và tạo đột phá trong phát triển kinh tế. Phát triển dịch vụ theo hướng đưa tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm văn hóa, du lịch, vận tải biển, ứng dụng khoa học kỹ thuật - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Gắn phát triển dịch vụ với chuyển đổi số, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; ưu tiên phát triển dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ số, bưu chính; phát triển mạnh các dịch vụ giá trị gia tăng cao (vận tải, logistics, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm). Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa các dịch vụ thiết yếu như thương mại, bán buôn, bán lẻ; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao, việc làm, môi trường... theo cơ chế thị trường.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xanh, bền vững; đưa Gia Lai trở thành điểm đến du lịch đẳng cấp với các sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế dựa trên lợi thế biển, sinh thái núi rừng, hồ tự nhiên, di sản văn hóa Tây Nguyên và văn hóa, lịch sử Bình Định gắn với phong trào Tây Sơn... Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, các địa danh lịch sử, du lịch, khảo cổ học⁵¹. Đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường liên kết không gian du lịch vùng, các tỉnh, thành phố liền kề và các quốc gia lân cận. Xây dựng khu Phương Mai - Núi Bà, khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya trở thành khu du lịch quốc gia; khai thác du lịch theo tuyến giao thông An Khê - đường đông Trường Sơn - Quốc lộ 24 - Măng Đen (Quảng Ngãi).

Phát triển cảng - logistics bao gồm cảng biển Quy Nhơn, các cảng biển thuộc khu bến Hoài Nhơn, Phù Mỹ, ga đường sắt Diêu Trì và các ga đường sắt tốc độ cao, cảng hàng không Phù Cát, Pleiku, hệ thống cảng cạn dọc theo cao tốc Bắc - Nam, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, Quốc lộ 19... Quy hoạch xây dựng trung tâm logistics mới có công suất khoảng 500.000 TEU tại Phù Cát. Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là mắt xích (HUB) logistics, văn hóa, du lịch quan trọng trên hành lang xuyên Á Đông - Tây cửa ngõ kết nối vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu, nhất là nhóm hàng xuất khẩu có lợi thế. Chú trọng thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách; phấn đấu thu ngân sách đạt và vượt mục tiêu đề ra. Quản lý chặt chẽ chi ngân sách, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, tập trung vào ngành, lĩnh vực ưu tiên.

2.1.4 - Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội

⁵¹ Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên; các lễ hội văn hóa truyền thống; trang phục thổ cẩm của đồng bào dân tộc thiểu số Bahnar, Jrai; Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao Nguyên Kon Hà Nừng; các di tích quốc gia đặc biệt (Tây Sơn Thượng Đạo, Rộc Tung - Gò Đá, Di tích thắng cảnh Biển Hồ, Núi lửa Chư Đăng Ya...).

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng dữ liệu lớn (Bigdata), ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tạo đột phá trong thực hiện dịch vụ công và thực thi công vụ. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển, cung cấp dịch vụ công.

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Trọng tâm là thực hiện hiệu quả các giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân thật sự trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể phát triển thành doanh nghiệp; chú trọng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, doanh nghiệp trong các ngành có tiềm năng, thế mạnh của địa phương; bảo đảm quyền tự do kinh doanh, quyền bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực, cơ hội kinh doanh giữa các thành phần kinh tế; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Đồng thời, quan tâm thực hiện các giải pháp để phát huy vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế hộ; chú trọng thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc.

2.1.5 - Hoàn thiện hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển

Tích cực huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh, liên kết, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Coi trọng xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng dịch vụ - du lịch, văn hóa - xã hội, công nghệ thông tin. Tập trung nguồn lực đầu tư một số công trình trọng điểm⁵²; nhất là đầu tư xây dựng mới Trung tâm hành chính tỉnh tại Khu kinh tế Nhơn Hội; đầu tư nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị sau sắp xếp.

Triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án phát triển giao thông nhằm phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong kỷ nguyên mới, nhất là hạ tầng hàng không, đường sắt, đường bộ và cảng biển; tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương hoàn thành xây dựng tuyến cao tốc Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh; Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; đặc biệt dự án tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam. Tiếp tục đầu tư

⁵² Xây dựng hệ thống đường tỉnh kết nối (Vĩnh Thanh - Kbang, Vân Canh - Kông Chro...), các tuyến đường cao tốc, đường quốc lộ đến các khu kinh tế, khu du lịch, dịch vụ trọng điểm, đường vào khu, cụm công nghiệp; Tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên, Nâng cấp ga Diêu Trì và ga Bồng Sơn thành ga tổng hợp, xây dựng mới 02 ga hàng hóa đường sắt tại khu vực xã Tuy Phước và xã Vân Canh phục vụ vận chuyển hàng hóa cho cảng Quy Nhơn, Khu kinh tế Nhơn Hội và các trung tâm logistics; Đầu tư mới nhà ga, mở rộng sân đỗ, xây dựng thêm đường cất hạ cánh số 2 và các đường lăn phù hợp với quy hoạch Cảng hàng không Phù Cát, Cảng hàng không Pleiku; Nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các bến cảng thuộc các khu bến Quy Nhơn - Thị Nại - Đồng Đa; khu bến Nhơn Hội; khu bến cảng Phù Mỹ, Hoài Mỹ; Đầu tư hệ thống cảng cạn theo quy hoạch, các cụm cảng, bến thủy nội địa; Đầu tư Cầu Thị Nại 2; hoàn thành tuyến đường ven biển tiếp nối tỉnh Quảng Ngãi...

xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu⁵³; nhất là đầu tư xây dựng, nâng cấp các hồ chứa nước và hệ thống kênh mương bảo đảm nhu cầu nước tưới cho sản xuất nông nghiệp tập trung, nhất là các vùng chuyên canh cây công nghiệp. Quan tâm đầu tư hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; các dự án cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân. Phát triển hạ tầng năng lượng gắn với từng bước đầu tư các trung tâm tích trữ điện, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao. Đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng bền vững và chế biến thủy sản. Quan tâm phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, thông minh. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; ưu tiên đầu tư hạ tầng số đi trước một bước. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng y tế, giáo dục và văn hóa xã hội⁵⁴.

2.1.6 - Tăng cường liên kết giữa các địa phương, các khu vực trong tỉnh, vùng và cả nước

Triển khai xây dựng và thực hiện Quy hoạch tỉnh Gia Lai (mới) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

* Định hướng phát triển vùng trong thời gian tới:

- Khu vực đô thị: Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị. Quy hoạch đô thị và phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị đi trước một bước và tạo ra nguồn lực chủ yếu cho phát triển đô thị. Giảm thiểu quá trình đô thị hóa lan tỏa, thiếu kiểm soát; phát triển đô thị theo hướng đô thị nén - đô thị sinh thái. Quy hoạch, khai thác hiệu quả không gian ngầm. Mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân.

- Khu vực đồng bằng, trung du: Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao trình độ sản xuất nông nghiệp. Phát triển kinh tế nông thôn, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn theo hướng hiện đại, phù hợp. Nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần người dân nông thôn theo hướng nông dân giàu có, văn minh. Đẩy mạnh xây dựng các khu đô thị, khu dân cư theo quy hoạch. Xây dựng một số mô hình làng nghề truyền thống, khôi phục các làng nghề và các khu sinh hoạt cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc để thu hút du khách, phát triển các khu du lịch cộng đồng.

- Khu vực miền núi: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông

⁵³ Phát triển thành 06 vùng cấp nước thủy lợi: Nam Bắc An Khê và vùng phụ cận, vùng thượng Ayun, Ayun Pa, Krông Pa, Đông - Tây Pleiku, Ia Mơr - Ia Lốp.

⁵⁴ Huy động nguồn lực để đầu tư một số dự án như: Bảo tàng tỉnh Bình Định, Nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh (xây dựng mới đơn nguyên), Nâng cấp mở rộng Bệnh viện Mắt Bình Định (giai đoạn 2)... Phát triển Bệnh viện đa khoa tỉnh trở thành bệnh viện đa khoa cấp tỉnh đảm nhận chức năng của vùng Nam Trung Bộ.

thôn mới. Chú trọng huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là tại các làng xa trung tâm xã. Đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phát triển diện tích rừng trồng gỗ lớn; phát triển chăn nuôi. Hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng. Chú trọng chăm lo đời sống đồng bào và công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội tuyến núi. Phấn đấu đến 2030 cơ bản không còn hộ nghèo.

- Khu vực biên và ven biển: Phát huy lợi thế biển, xác định ven biển là vùng động lực tạo đột phá cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Phát triển đột phá các ngành du lịch và dịch vụ biển; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế mới. Tiếp tục đầu tư phát triển hành lang giao thông đường bộ ven biển, đô thị ven biển và hoàn thiện kết cấu hạ tầng làm cơ sở phát triển các hoạt động kinh tế biển... Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững các hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển; kiểm soát chặt chẽ khai thác tài nguyên biển.

- Khu vực cửa khẩu: Phát triển cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là đầu mối kết nối hàng hóa, du lịch, dựa trên các dịch vụ về thương mại, du lịch cửa khẩu, logistics, kho bãi, sản xuất nông cụ, chế biến nông, lâm sản và trao đổi văn hóa, triển lãm quốc tế.

Đẩy mạnh phối hợp với các tỉnh, thành phố xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thông thoáng, hỗ trợ và khuyến khích liên kết, hợp tác, nhất là các chương trình xúc tiến đầu tư; hợp tác, phát triển thương mại, du lịch - dịch vụ, nông nghiệp, xây dựng các công trình liên tỉnh, liên vùng...

2.2 - Phát triển khoa học công nghệ

2.2.1 - Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo làm động lực tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả

Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trọng tâm là đổi mới căn bản quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, tháo gỡ nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là đổi mới cơ chế tài chính, cơ chế tự chủ, tạo thuận lợi nhất cho phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư cho phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ; phát triển đồng bộ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số

toàn diện các cơ quan trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp và đời sống xã hội; xây dựng cơ sở hạ tầng số hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; chú trọng phát triển nguồn nhân lực số và nâng cao năng lực số của người dân. Thúc đẩy nhanh quá trình tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, đổi mới sáng tạo.

Xây dựng Gia Lai trở thành điểm đến ngày càng hấp dẫn của các doanh nghiệp khoa học, công nghệ, các nhà khoa học trong nước và quốc tế, trung tâm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng; tiếp tục phát huy vai trò của Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE) trong việc kết nối các nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng, phát triển và phát huy hiệu quả của Khu đô thị khoa học Quy Hòa. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Bigdata) cho các ngành kinh tế trụ cột, gắn với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác.

Hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, các viện nghiên cứu vật lý và thiên văn học theo Chiến lược phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ. Phát huy vai trò của Trung tâm Khám phá khoa học và đổi mới sáng tạo trong việc tăng cường đổi mới sáng tạo trong hoạt động của doanh nghiệp. Phát triển hạ tầng dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Triển khai các chương trình, giải pháp kết nối hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh gắn với nhu cầu đổi mới, ứng dụng và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp.

2.2.2 - Đẩy mạnh chuyển đổi số; phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số

Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; đẩy mạnh phát triển đồng bộ chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số. Tập trung triển khai thực hiện ba trụ cột quan trọng: Hoàn thiện hạ tầng số, phát triển công nghiệp công nghệ số và xây dựng chính quyền số thông minh, hướng tới mục tiêu đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn.

Bảo đảm hạ tầng băng thông rộng đến trung tâm các xã; hoàn thành việc phủ sóng 4G trên địa bàn. Đồng thời, tập trung triển khai mạng 5G, phân đầu vào nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Hạ tầng số được nâng cấp đồng bộ, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số.

Tập trung thu hút đầu tư, triển khai các dự án, đề án trọng điểm về công nghệ số để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW; phân đầu đến năm 2030, từng bước đưa Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực. Tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, thúc đẩy việc khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, nhằm hỗ trợ hiệu quả quá trình ra quyết định trong quản lý và điều hành. Phát triển các hệ thống hỗ trợ ra quyết định

dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, nâng cao hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp. Đặc biệt, đẩy mạnh triển khai các đô thị thông minh.

2.3 - Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu định hướng đến năm 2030 về bảo vệ môi trường. Đầu tư hệ thống xử lý nước thải; phát triển hạ tầng thu gom, phân loại, xử lý, tái chế chất thải. Giảm thiểu ô nhiễm chất thải nhựa. Cải thiện ô nhiễm môi trường ở các khu đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn; tham gia hiệu quả thị trường cacbon trong nước. Phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Tổ chức thực hiện tốt công tác đánh giá tác động môi trường và thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp thuận lợi trong công tác lập hồ sơ môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường.

Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học. Thành lập mới và nâng mức độ bảo tồn đối với các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn. Tiếp tục tăng cường việc lồng ghép nội dung phòng ngừa, ứng phó biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; di dời, tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

3.1 - Phát triển văn hóa, con người, thể dục, thể thao, báo chí

Phát triển văn hóa, xã hội, gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế. Triển khai hiệu quả hệ giá trị quốc gia⁵⁵, hệ giá trị văn hóa⁵⁶, hệ giá trị gia đình⁵⁷ và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới⁵⁸. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thay đổi hành vi, thói quen, lối sống theo hướng văn minh. Phát triển văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức doanh nhân, xây dựng văn hóa gia đình, nhà trường và xã hội, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào truyền thống quê hương, khát vọng xây dựng tỉnh Gia Lai giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc.

Tăng cường nguồn lực cho phát triển văn hóa, thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa. Quan tâm đầu tư tu bổ, bảo tồn các di tích

⁵⁵ Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

⁵⁶ Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học.

⁵⁷ Tiến bộ, văn minh, âm no, hạnh phúc.

⁵⁸ Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo.

lịch sử, di sản văn hóa tiêu biểu. Phát huy giá trị văn hóa truyền thống như văn hóa phi vật thể, lễ hội và nghệ thuật trình diễn dân gian, giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý và phát triển văn hóa. Tăng cường các hoạt động ngoại giao văn hóa trong nước và quốc tế, kết hợp tổ chức các sự kiện văn hóa mang tầm quốc tế. Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả các ngành công nghiệp văn hóa, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật xứng tầm với lịch sử văn hóa vùng đất và con người Gia Lai.

Nâng cao đời sống văn hóa của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa các tầng lớp Nhân dân; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, quần chúng; ưu tiên phát triển một số bộ môn thể thao thành tích cao có thể mạnh của tỉnh kết hợp với xây dựng hệ thống các sân, bãi tập, trung tâm huấn luyện và nhà thi đấu đa năng đạt chuẩn phục vụ luyện tập, thi đấu. Phát triển Trung tâm thể thao Hàm Rồng. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, hiện đại hóa, số hóa; nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin, truyền thông, nhất là internet, mạng xã hội để định hướng tư tưởng, dư luận xã hội.

3.2 - Phát triển giáo dục - đào tạo, dạy nghề; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao

3.2.1 - Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, dạy nghề

Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp học trong hệ thống giáo dục của tỉnh theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế”. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị đồng bộ, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của các cấp học. Chú trọng phát triển giáo dục tại các vùng có điều kiện kinh tế còn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đào tạo, nâng cao chất lượng, bảo đảm cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu giáo viên, thiếu trường, lớp. Chú trọng phát triển giáo dục phổ thông, đặc biệt là giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học. Quan tâm tôn vinh, đãi ngộ thích hợp đối với đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học và cán bộ quản lý giáo dục. Tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp khoa học, kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật, toán học và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, thể lực và phẩm chất người học, chuẩn hóa chất lượng đầu ra. Tăng cường định hướng nghề nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông. Mở Khoa Y tại Đại học Quy Nhơn khi đủ điều kiện.

Không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề theo hướng gắn kết giữa nhu cầu của người học, của nhà trường, người sử dụng lao

động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ; tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu trên cả nước nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, hướng tới bảo đảm cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Đẩy mạnh xây dựng mô hình xã hội học tập, phong trào học tập suốt đời theo hướng đa dạng hóa, phù hợp với các đối tượng, từng địa phương. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục cơ sở; hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đào tạo từ xa, đào tạo trên nền tảng số; hỗ trợ những người yếu thế có điều kiện để học tập suốt đời.

3.2.2 - Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, lao động có tay nghề cao

Tiếp tục hoàn thiện, triển khai thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2026 - 2030. Kết hợp giữa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn với dài hạn, giữa trong nước và ngoài nước. Đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số để phát triển kinh tế số, xã hội số. Tiếp tục đẩy mạnh thu hút các chuyên gia đầu ngành trong nước và nước ngoài theo các ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung một số lĩnh vực: khoa học và công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao.

3.3 - Nâng cao chất lượng y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Phát triển hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, hướng tới thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở, hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu, bảo đảm khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu, chất lượng cao. Xây dựng một số cơ sở khám, chữa bệnh ngang tầm cả nước. Hình thành trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe tại khu vực phía Bắc thành phố Pleiku (cũ) gắn với các dự án trồng cây dược liệu dưới tán rừng tạo thành một quần thể đáp ứng nhu cầu chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái, quy mô khoảng 100 ha. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong ngành y tế, hình thành hệ thống y tế thông minh. Bố trí hợp lý nguồn nhân lực y tế ở các tuyến; thu hút, đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao. Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng; dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các loại dịch bệnh. Thực hiện hiệu quả các chính sách về dân số, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe. Phân đầu thực hiện mục tiêu miễn viện phí toàn dân.

3.4 - Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống Nhân dân, giảm nghèo bền vững

Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm mạnh lao động nông nghiệp

sang lao động làm công ăn lương khu vực phi nông nghiệp. Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề theo định hướng phát triển của tỉnh. Hiện đại hóa và nâng cao chất lượng công tác dự báo, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số. Nâng cao chất lượng việc làm, bảo đảm việc làm bền vững.

Triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với việc làm sau đào tạo, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp. Tiếp tục tập trung chỉ đạo giảm tỷ lệ hộ nghèo, tình trạng tái nghèo, nhất là tại các khu vực miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phấn đấu đến năm 2030 không còn hộ nghèo.

3.5 - Giải quyết tốt các vấn đề xã hội

Mở rộng và phát triển toàn diện các lĩnh vực an sinh xã hội. Thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người theo hướng bao trùm, công bằng, bền vững; ưu tiên các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế và đối tượng trong khu vực phi chính thức, “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội và phát triển đa dạng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản. Phát triển và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội trong mối quan hệ gắn kết chặt chẽ, cân bằng với phát triển và hoàn thiện hệ thống chăm sóc xã hội đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ ngày càng tăng của người dân.

Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng. Chú trọng nâng cao đời sống đối với người có công, đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng yếu thế. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phát triển thanh niên; chăm sóc, bảo vệ người già và trẻ em. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn; phấn đấu xây dựng hơn 11.800 căn hộ từ nay đến 2030.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

4.1 - Tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; tham gia xử lý có hiệu quả các tình huống quốc phòng, an ninh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự; đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập; thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọt công dân nhập ngũ, chính sách hậu phương quân đội và công tác đối ngoại quốc phòng; tăng cường xây dựng lực lượng công an nhân dân trong

tỉnh vững mạnh toàn diện; bảo đảm vững chắc an ninh chính trị. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh tôn giáo, an ninh con người, an ninh thông tin, an ninh mạng. Tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tấn công trấn áp kịp thời các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, công nghệ cao, lừa đảo, giữ vững ổn định, bình yên cho Nhân dân và tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, ý thức bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, phản động. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh.

4.2 - Củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại

Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Xác định hội nhập quốc tế là một trong những động lực quan trọng để phát triển nhanh và bền vững; chủ động mở rộng quan hệ đối ngoại, tích cực tham gia các chương trình, dự án quốc tế trong các lĩnh vực thế mạnh, ưu tiên; tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ, khai thác hiệu quả và nâng cao năng lực thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, các cam kết, thỏa thuận quốc tế và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Duy trì và đẩy mạnh phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác và địa phương có quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác phù hợp với yêu cầu và điều kiện của tỉnh, nhất là mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt giữa tỉnh Gia Lai với các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia gắn với ổn định biên giới hiện quản. Tiếp tục củng cố, mở rộng quan hệ với các địa phương, đối tác thuộc các quốc gia Châu Âu và các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; tăng cường phối hợp giữa các kênh thông tin với cơ quan đối ngoại của tỉnh, kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân; mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác phù hợp với yêu cầu và điều kiện của tỉnh nhằm thu hút nguồn ngoại lực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch ra nước ngoài và các sự kiện đối ngoại quan trọng tại tỉnh gắn với đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh và các cơ chế, chính sách, dự án kêu gọi đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài

đến thăm, khảo sát, tìm hiểu và đăng ký đầu tư tại tỉnh. Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Gia Lai với các đối tác nước ngoài đã ký kết, chú trọng nâng cao tính hiệu quả, thiết thực trong các mối quan hệ đối ngoại.

Tỉnh ta đang cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển giàu mạnh và thịnh vượng của dân tộc, với vị thế, tiềm lực, cơ hội mới đan xen cùng những khó khăn, thách thức rất lớn. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Đại hội lần thứ Nhất Đảng bộ tỉnh đề ra, toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân trong tỉnh cần phát huy cao độ lòng yêu nước, tinh thần, trách nhiệm, khát vọng phát triển quê hương, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, để đưa tỉnh ta trở thành tỉnh phát triển khá, đời sống của Nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc và thịnh vượng./.
